

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20-12-2022

Về: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Ngọc Dung

2. Ông Nguyễn Bá Lộc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tín, thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 245/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022, về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2022/QĐXX-ST ngày 15 tháng 11 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số: 80/QĐST-HPT ngày 01-12-2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thảo N, sinh năm 1993; HKTT: Tổ D khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Nơi ở hiện nay: 36/29/4 N, phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có mặt.

Bị đơn: Ông Cao Quốc H, sinh năm 1989; HKTT và nơi ở hiện nay: Tổ D khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 6 năm 2022 và quá trình tố tụng tại tòa bà Lê Thảo N trình bày: Bà Lê Thảo N và ông Cao Quốc H đã sống chung và đăng ký kết hôn vào ngày 10-8-2012 tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến khoảng năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn rạn nứt về tình cảm và không còn sống chung từ đó đến nay. Cuộc sống ly thân đã lâu tình cảm không còn nên bà N yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: có 01 con Cao Thị Trâm A, sinh ngày 09-6-2012. Bà N yêu cầu giao con cho ông H nuôi và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu tòa án giải quyết.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, đã nhiều lần triệu tập ông Cao Quốc H đến Tòa giải quyết ly hôn nhưng ông H vắng mặt không có lý do nên không xác định rõ yêu cầu.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ Thẩm phán và nguyên đơn tuân theo quy định của pháp luật. Bị đơn không tuân theo quy định của pháp luật.

Tại phiên xét xử, Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn tuân theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quá trình tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thảo N yêu cầu ly hôn ông Cao Quốc H, xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông H sinh sống tại thị trấn L, huyện L, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Cao Quốc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thảo N và ông Cao Quốc H sống chung từ năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên hôn nhân giữa bà N và ông H là hôn nhân hợp pháp. Theo xác nhận của bà N: Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do rạn nứt về tình cảm và không tìm được tiếng nói chung dẫn đến việc vợ chồng tự sống ly thân đến nay. Nay bà N nhận thấy không còn tình cảm đối với ông H yêu cầu được ly hôn.

Về phía ông H, Tòa án nhiều lần triệu tập đến Tòa lấy lời khai và hòa giải nhưng không có ý kiến phản hồi, chứng tỏ ông H không muốn duy trì cuộc sống chung với bà N. Theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì “vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung với nhau...” Xét thấy, hôn nhân của 2 người lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà N yêu cầu ly hôn có cơ sở, xét chấp nhận.

[2.2] Xét về con chung: có 01 con Cao Thị Trâm A, sinh ngày 09-6-2012. Bà N xác nhận từ lúc bà sống ly thân với ông H thì ông H là người nuôi và chăm sóc cho con chung và bà nhận thấy ông H cũng có trách nhiệm đối với con nên bà giao con cho ông H nuôi; tránh làm xáo trộn của sống của trẻ thơ, xét chấp nhận yêu cầu

của bà N. Sau này bà N và ông H có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con sẽ thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 19, Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thảo N đối với ông Cao Quốc H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thảo N được ly hôn ông Cao Quốc H.

- Về con chung: Giao con chung Cao Thị Trâm A, sinh ngày 09-6-2012 cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng. Bà N không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà N có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Thảo N nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009065 ngày 06-10-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền. Bà N đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt quyền kháng cáo bản án 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- Viện kiểm sát ND H..Long Điền;
- Thi hành án dân sự H..Long Điền;
- UBND thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Thanh Trúc

